

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

Bản án số: 25/2020/DS - ST

Ngày: 13/8/2020.

V/v: " *Tranh chấp di sản thừa kế* "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Bá Lộc**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Thái Ánh Trinh**

2/ Bà **Trần Thúy Kiên**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Điều Khắc Khanh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - Tp. Cần Thơ.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ:* Bà **Đỗ Thị Thùy Trang**

Ngày **13** tháng **8** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận *Thốt Nốt* - thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2017/TLST - DS, ngày 28 tháng 12 năm 2017, về việc " *Tranh chấp di sản thừa kế* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2020/QĐXXST – DS, ngày 10/6/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 456/2020/TB -TA, ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Bà **Nguyễn Thị M** – sinh năm 1965 (có mặt)
2. Ông **Mai La Nguyễn B** – sinh năm 1993 (có mặt)
3. Bà **Mai La Nguyễn M1** – sinh năm 1995
4. Ông **Mai La Nguyễn B1** – sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: khu vực A, phường K, quận N, Tp. Cần Thơ.

(Bà M1, ông B1 ủy quyền cho ông B tham gia tố tụng)

Bị đơn: 1. Bà **Mai Thị Đ** – sinh năm 1949

2. Bà **Mai Thị Đ1** - sinh năm 1951

Cùng địa chỉ: khu vực A, phường K, quận N, Tp. Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền ông **Đặng Tấn P** – sinh năm: 1994 (có mặt)

Địa chỉ: số 333, khu vực D, phường T, quận N, Tp. Cần Thơ

3. Bà **Mai Thị E** – sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã X, huyện Y, tỉnh G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Lý Hồng K** – sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: khu vực C, phường T, quận N, Tp. Cần Thơ.

2/ Ủy ban nhân dân quận **N**

Trụ sở: khu vực Z, phường T, quận N, Tp. Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền ông **Đỗ Văn H** (xin vắng mặt)

Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên Môi trường quận N

3/ Chi cục Thi hành án dân sự quận N

Trụ sở: khu vực R, phường L, quận N, Tp. Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền ông **Võ Đình X** (xin vắng mặt)

Chức vụ: Chấp hành viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, ông Mai La Nguyễn B đồng thời là đại diện ủy quyền của bà Mai La Nguyễn M1, ông Mai La Nguyễn B1 thống nhất trình bày như sau:

Ông bà là vợ, con của ông Mai Văn V chết năm 2014. Ông V là con ruột của ông Mai Văn Q chết năm 2005, bà La Thị S chết năm 2009. Ông Q, bà S quá trình chung sống có 04 người con chung gồm: Bà Mai Thị Đ, bà Mai Thị Đ1, ông Mai Văn V, bà Mai Thị E. Thời điểm ông Q, bà S chung sống có tạo lập khối tài sản sau:

Phần đất diện tích 10.058m² qua đo đạc có diện tích 10.290,7m² thuộc thửa đất số 369, loại đất L và phần đất diện tích 2.992m² qua đo đạc có diện tích 4.325,5m² thuộc thửa đất số 368, loại đất T được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 5467/GCNRĐ ngày 30/12/1990, đất tọa lạc ấp I, xã J, huyện T, tỉnh Cần Thơ (Nay thuộc khu vực A, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ) và căn nhà bán kiên cố được xây dựng trên thửa đất 368.

Quá trình sử dụng đất các đương sự có phát sinh tranh chấp liên quan đến việc ông Lý Hồng K mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng tại thửa đất 369 với các bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử xong thể hiện tại Bản án dân sự phúc thẩm số 166/2008/DSPT ngày 11/7/2008 và án có hiệu lực pháp luật đến nay.

Thời điểm còn sống ông Q, bà S không để lại di chúc định đoạt đối với khối di sản đến khi ông bà chết chưa được phân chia cho các thừa kế. Hiện thửa đất số 368 có căn nhà ông Q, bà S để lại do bà Mai Thị Đ, Mai Thị Đ1 quản lý sử dụng và phần còn lại của thửa đất 368 do ông bà đang quản lý sử dụng thừa kế từ cha ruột ông Mai Văn V. Đối với thửa đất số 369 thì ông Lý Hồng K đang sử dụng diện tích 4.160,8m², bà Mai Thị E sử dụng diện tích 3.200m², phần còn lại ông bà đang sử dụng từ khi ông V chết để lại cho đến nay. Do có nhu cầu sử dụng đất nên ông bà yêu cầu được chia di sản thừa kế đối với kỹ phần cha ruột ông V được nhận đối với các tài sản trên theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp.

Sau khi Tòa án thụ lý và tiến hành hòa giải thì các đương sự đã thống nhất thỏa thuận phân chia đối với thửa đất 368 và tài sản trên đất nhưng riêng đối với thửa đất số 369 thì các đương sự không thống nhất phân chia, từ đó, đã ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn.

Nay các nguyên đơn khởi kiện các bị đơn yêu cầu Tòa án xem xét phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật như sau:

+ Đối phần đất qua đo đạc có diện tích 10.290,7m², loại đất L thuộc thửa đất số 369 nguyên đơn yêu cầu được sử dụng diện tích 2.572m², loại đất L, hiện phần đất này do nguyên đơn đang sử dụng.

+ Đối với phần đất qua đo đạc có diện tích 4.325.5m² thuộc thửa đất số 368, loại đất ODT,CLN nguyên đơn yêu cầu được quyền sử dụng diện tích 1.014,2m² do nguyên đơn đang quản lý sử dụng.

+ Đối các tài sản gắn liền trên thửa đất 368 bao gồm: cây trồng, 03 ngôi mộ thì ai được chia đất có mộ và cây trồng thì có trách nhiệm quản lý mộ và sở hữu các cây trồng, riêng căn nhà bán kiến cổ do bà Đ1, bà Đ đang quản lý sử dụng có nguồn gốc của ông Q, bà S để lại thì nguyên đơn không tranh chấp và giao cho các bà tiếp tục quản lý sử dụng.

Bị đơn bà Mai Thị Đ, bà Mai Thị Đ1 có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tấn P thống nhất trình bày như sau:

Bà Mai Thị Đ, bà Mai Thị Đ1 thống nhất với nguyên đơn về quan hệ thân thích và hàng thừa kế, nguồn gốc các thửa đất tranh chấp cũng như di sản của cha ông Mai Văn Q, bà La Thị S chết để lại chưa được phân chia như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, thời điểm cha mẹ còn sống có chuyển nhượng phần đất thuộc thửa đất số 368 cho ông Lý Hồng K nhưng phát sinh tranh chấp và đã được Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ xét xử thể hiện tại Bản án dân sự phúc thẩm số 166/2008/DS-PT ngày 11/7/2008 và có hiệu lực pháp luật nhưng do lớn tuổi không có khả năng thi hành án để trả vàng, tiền cho ông K nên hiện tại ông K vẫn đang quản lý sử dụng phần đất 4.160,8m² cho đến nay, sau khi cha mẹ chết các bên không thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Đ1, bà Đ có ý kiến như sau:

+ Đối với thửa đất số 368 qua đo đạc có diện tích 10.290,7m², loại đất L, bị đơn yêu cầu Tòa án xem xét giao cho ông Lý Hồng K phần đất 4.160,8m² thuộc thửa đất 368 mà hiện ông K đang quản lý sử dụng theo Bản án dân sự phúc thẩm số 166/2008/DS-PT ngày 11/7/2008 của Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ, phần diện tích còn lại thì yêu cầu chia di sản làm 04 phần theo quy định pháp luật.

+ Đối với thửa đất số 369 qua đo đạc có diện tích 4.325.5m² loại đất ODT,CLN, bị đơn bà Đ1, bà Đ yêu cầu mỗi người được quyền sử dụng diện tích 1.014,2m² do bị đơn đang quản lý sử dụng.

+ Đối các tài sản gắn liền trên thửa đất 368 bao gồm: cây trồng, 03 ngôi mộ thì ai được chia đất có mộ và cây trồng thì có trách nhiệm quản lý mộ và sở hữu các cây trồng, riêng căn nhà bán kiến cổ do bị đơn bà Đ1, bà Đ đang quản lý sử dụng thì yêu cầu tiếp tục quản lý sử dụng dùng làm di sản thờ cúng.

Bị đơn bà Mai Thị E quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà thống nhất với nguyên đơn, bị đơn bà Mai Thị Đ, bà Mai Thị Đ1 về quan hệ mối quan hệ thân thích và hàng thừa kế, nguồn gốc các thửa đất tranh chấp cũng như di sản của cha ông Mai Văn Q, bà La Thị S chết để lại chưa được phân chia như nguyên đơn trình bày là đúng. Vào năm 2008 các bên phát sinh tranh chấp với ông Lý Hồng K liên quan đến việc mua bán chuyển nhượng đất đã được Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm

số 166/2008/DS-PT ngày 11/7/2008 xác định trách nhiệm trả lại tiền, vàng của bà Đ1, bà Đ cho ông K không liên quan đến bà và gia đình ông V nên bị đơn bà Đ1, bà Đ yêu cầu giao cho ông K được sử dụng phần đất 4.160,8m² thuộc thửa đất 369 sau đó phần còn lại mới phân chia thừa kế là không đúng nên bà không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bà Đ, bà Đ1 thì bà có ý kiến như sau:

+ Đối với thửa đất 369 qua đo đạc có diện tích 10.290,7m², loại đất L thuộc thửa đất số 369, bà yêu cầu được sử dụng diện tích 3.200m², loại đất L, bởi vì thời điểm cha mẹ còn sống đã cho bà sử dụng phần này nên nay các anh em yêu cầu chia phần đất ra 04 phần ảnh hưởng quyền lợi của bà nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Đối với thửa đất số 368 qua đo đạc có diện tích 4.325.5m² loại đất ODT, CLN, thì bà yêu cầu được quyền sử dụng diện tích 1.014,2m² do nguyên đơn đang quản lý sử dụng.

+ Đối các tài sản gắn liền trên thửa đất 368 bao gồm: cây trồng, 03 ngôi mộ thì ai được chia đất có mộ và cây trồng thì có trách nhiệm quản lý mộ và sở hữu các cây trồng, riêng căn nhà bán kiến cổ do bị đơn bà Đ1, bà Đ đang quản lý sử dụng thì bà tiếp tục giao cho bà Đ1, Đ quản lý sử dụng dùng làm di sản thờ cúng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/Ông Lý Hồng K trình bày: Hiện ông đang quản lý sử dụng phần đất diện tích 4.160,8m² thửa đất 369 mà ông được bà Đ1, bà Đ giao cho ông sử dụng. Lý do ông quản lý sử dụng đất được thể hiện theo Bản án dân sự phúc thẩm số 166/2008/DS-PT ngày 11/7/2008 của Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ và đến nay bà Đ1, bà Đ vẫn chưa trả nợ cho ông. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không có ý kiến đối với phân chia di sản thừa kế của các đương sự và chỉ yêu cầu bà Đ1, bà Đ phải có trách nhiệm trả số vàng cho ông theo Bản án dân sự phúc thẩm số 166/2008/DS - PT ngày 11/7/2008 của Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ và ông đồng ý trả đất mà ông đang quản lý sử dụng diện tích 4.160,8m². Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

2/Ủy ban nhân dân quận N có người đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Văn H trình bày:

Qua hồ sơ địa chính thể hiện: Vào năm 1990 ông Mai Văn Q kê khai, đăng ký thửa đất số 369, diện tích 10.058m², đất 2L và thửa đất 368, diện tích 2.992m² đất T, thuộc tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp A, xã K, huyện N, Cần Thơ (*Nay khu vực A, phường K, quận N, Tp. Cần Thơ*) và được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 5451, cấp ngày 30 tháng 12 năm 1990 đúng theo quy định pháp luật.

Qua kết quả đo đạc thực tế thể hiện thửa đất 368 có diện tích 4.325,5m² so với diện tích được cấp 2.992,0m² thì phần diện tích tăng 1.333,5m² là nằm trong mốc giới, chỉ giới của thửa đất 368.

Trường hợp Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp diện tích 1.333,5m² thì vẫn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Phần đất có diện tích tăng nêu trên được xác định

mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm (CLN) theo quy định. Ngoài ra, ông có yêu cầu được vắng mặt tại các lần hòa giải, đối chất và xét xử tại Tòa án các cấp.

3/ Chi cục Thi hành án dân sự quận N có người đại diện theo ủy quyền ông Võ Đình X trình bày:

Qua đối chiếu hồ sơ thi hành án tại đơn vị được biết ngày 18/6/2015 ông Lý Hồng K, địa chỉ: khu vực C, phường T, quận N, Tp. Cần Thơ có đơn yêu cầu thi hành án đối với bà Mai Thị Đ và bà Mai Thị Đ1, cùng địa chỉ: khu vực A, phường K, quận N, Tp. Cần Thơ theo đúng nội dung Bản án số 166/2008/DS-PT ngày 11/7/2008 của Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ.

Ngày 19/6/2015 Chi cục Thi hành án dân sự quận N ban hành Quyết định thi hành án số 869/QĐ - CCTHA đối với các khoản thi hành: Bà Mai Thị Đ phải có trách nhiệm trả cho ông Lý Hồng K số vàng là 55 chỉ vàng 24K loại 98%, bà Mai Thị Đ1 phải có trách nhiệm trả cho ông Lý Hồng K với số vàng là 89 chỉ vàng 24K loại 98%, bà Mai Thị Đ và bà Mai Thị Đ1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Lý Hồng K số tiền là 214.196.000 đồng đến nay bà Đ, bà Đ1 không tự nguyện thi hành nên chưa thi hành án xong khoản nào.

Đối với khoản ông K có trách nhiệm giao trả phần đất đang quản lý 7.360,8m², phần đất này tạm giao cho bà E diện tích 3.200m², phần còn lại 4.160,8m² tạm giao cho bà Đ, bà Đ1 thì qua đối chiếu hồ sơ thi hành án thì các bà chưa có đơn yêu cầu thi hành án nên không tổ chức thi hành. Ngoài ra, do bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các lần hòa giải đối chất xét xử tại Tòa án nhân dân các cấp.

Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ xác định phần đất tranh chấp như sau:

Các tài sản trên thửa đất 368 gồm:

- Căn nhà chính do bà Mai Thị Đ1 đang sử dụng có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái tole, không trần, nền gạch men, diện tích: 60m².

- Căn nhà phụ cặp nhà chính có kết cấu: Khung cột bê tông, vách gạch, mái ngói, nền gạch tàu, không trần, diện tích: 53,04 m²

- Căn nhà chính của bà Nguyễn Thị M có kết cấu: Khung cột gỗ, vách tole, mái tole, nền gạch tàu, không trần, diện tích: 89,62m².

- 03 ngôi mộ là người thân tộc của đương sự.

- Các cây trồng trên đất tranh chấp: 07 cây Mít loại A; 12 cây Xoài loại A; 05 cây Cóc loại A; 05 cây Bưởi loại A; 03 cây Bưởi loại B; 06 cây Dừa loại A; 03 cây Dừa loại B; 02 cây Ổi loại A; 01 cây Me loại A; 03 cây Cau loại A; 60 cây Tre mở loại A; 27 cây Tre mở loại B; 250 cây Tre tàu loại A; 56 cây Tre tàu loại B; 04 cây Lêkima loại A. Ngoài ra, không còn tài sản nào khác.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để hòa giải nhưng không thành nên vụ án đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà M và ông B đồng thời là đại diện ủy quyền của các nguyên đơn còn lại thống nhất trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, đồng thời có ý kiến bổ sung như sau: Đối với thửa đất số 368 và căn nhà, cây trồng trên đất thì các đương sự đã thỏa

thuận được, riêng đối với thửa đất 369 thì hiện do gia đình ông bà đang quản lý một phần, phần còn lại do bà E, ông K quản lý sử dụng thì ông bà yêu cầu Tòa án xem xét chia di sản theo quy định pháp luật và ông bà yêu cầu được nhận đất có vị trí tiếp giáp kinh công cộng để thuận tiện việc canh tác sử dụng, ông bà tự nguyện nộp chi phí tố tụng số tiền 5.000.000 đồng.

Bị đơn bà Đ, bà Đ1 có đại diện ủy quyền ông P trình bày: Bị đơn bà Đ, bà Đ1 vẫn giữ nguyên ý kiến như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, đồng thời có ý kiến bổ sung như sau: Bà Đ, bà Đ1 đồng ý chia di sản thừa kế như nguyên đơn yêu cầu đối với các thửa đất 368, 369, riêng đối với số tiền của bà Đ, bà Đ1 còn ông K đã Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ giải quyết đến nay chưa thi hành do các bà lớn tuổi nên không có khả năng K toán cho ông K, các bà tự nguyện nộp chi phí tố tụng số tiền 5.000.000 đồng.

Bị đơn bà E trình bày: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, đồng thời có ý kiến bổ sung như sau: Bà không đồng ý chia phần đất thuộc thửa đất số 369 thành 04 phần bằng nhau, bởi vì thời điểm cha mẹ còn sống cho bà sử dụng phần đất có diện tích 3.200m² sử dụng cho đến nay, nếu chia 04 phần bằng nhau thì bà sẽ bị thiệt hại so với các anh chị em, riêng đối thửa đất số 368 và căn nhà thì bà thống nhất ý kiến của nguyên đơn, bà tự nguyện nộp chi phí tố tụng số tiền 5.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông K trình bày: Ông vẫn giữ nguyên ý kiến như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, đồng thời có ý kiến bổ sung như sau: Ông yêu cầu xem xét khi phân chia di sản thừa kế của ông Q, bà S để lại cho các thừa kế thì cần đảm bảo quyền lợi cho ông bởi vì hiện bà Đ, bà Đ1 đến nay vẫn chưa trả nợ cho ông theo bản án của Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận di sản của ông Mai Văn Q và bà La Thị S bao gồm các tài sản sau:

Về quyền sử dụng đất: Phần đất qua đo đạc có diện tích 10.290,7m² thuộc thửa đất số 369, loại đất LUC và phần đất qua đo đạc có diện tích 4.325,5m² thuộc thửa đất số 368, loại đất T do ông Mai Văn Q đứng tên chủ sử dụng được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 5467/GCNRĐ ngày 30/12/1990, đất tọa lạc ấp I, xã J, huyện T, tỉnh Cần Thơ (Nay thuộc khu vực A, phường K, quận N, Tp. Cần Thơ), hiện đất do nguyên đơn, bị đơn và ông Lý Hồng K đang quản lý sử dụng.

Về tài sản gắn liền trên đất: Căn nhà chính được xây dựng trên thửa đất số 368 có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái tole, không trần, nền gạch men, diện tích: 60m² và căn nhà phụ cặp nhà chính có kết cấu: Khung cột bê tông, vách gạch, mái ngói, nền gạch tàu, không trần, diện tích: 53,04 m² do bị đơn bà Mai Thị Đ, bà Mai Thị Đ1 đang quản lý sử dụng.

Đối với quyền sử dụng đất chia cho các người thừa kế của ông Q, bà S thành 04 phần bằng nhau, đối với căn nhà trên đất giao cho bà Đ1, bà Đ quản lý dùng vào di sản thờ cúng. Buộc các đương sự phải có trách nhiệm giao trả đất cho nhau theo diện tích được phân chia và được quyền sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Đỗ Văn H người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận N, ông Võ Đình X người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự quận N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các ông là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất tổng diện tích 14.616,2m² nhưng các bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Xét đây là quan hệ pháp luật “ *Tranh chấp di sản thừa kế* ” và yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định khoản 5 Điều 26, các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thì thấy các vấn đề sau:

3.1/ *Về người thừa kế theo pháp luật*: Ông Mai Văn Q chết năm 2005, bà La Thị S chết năm 2009 đều không để lại di chúc nên di sản của ông Q, bà S được xem xét chia thừa kế theo pháp luật. Về hàng thừa kế theo pháp luật của ông Q, bà S gồm: Bà Mai Thị Đ, bà Mai Thị Đ1, bà Mai Thị E, ông Mai Văn V chết năm 2014 có các người thừa kế thế vị gồm: Bà Nguyễn Thị M, ông Mai La Nguyễn B, bà Mai La Nguyễn M1, ông Mai La Nguyễn B1. Các đương sự đều xác nhận cha mẹ của ông Q, bà S đều chết trước ông bà. Ngoài ra, ông Q, bà S không còn người thừa kế nào khác nên căn cứ theo quy định tại các Điều 651, 676 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định các đương sự nêu trên là người thừa kế theo pháp luật của ông Q, bà S là phù hợp.

3.2/ *Về di sản thừa kế*:

+ Về quyền sử dụng đất: Các đương sự đều thống nhất ông Q, bà S chết để lại di sản là phần đất qua đo đạc có diện tích 10.290,7m² thuộc thửa đất số 369, loại đất L và phần đất qua đo đạc có diện tích 4.325,5m² thuộc thửa đất số 368, loại đất T được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 5467/GCNRĐ ngày 30/12/1990 cho ông Mai Văn Q đứng tên chủ sử dụng, đất tọa lạc ấp I, xã J, huyện T (cũ), tỉnh Cần Thơ nay thuộc khu vực A, phường K, quận N, Tp. Cần Thơ.

Đối với thửa đất số 368, diện tích 4.325,5m² loại đất T, CLN các đương sự thống nhất thỏa thuận dùng phần đất có diện tích 268,7m², loại đất CLN làm

đường đi nội bộ phần đất còn lại được phân chia mỗi người được quyền sử dụng có diện tích 1.014,2m² trong đó có loại đất ODT có diện tích 748m² và loại đất CLN có diện tích 266,2m². Hiện phần đất này do bà Đ, bà Đ1 và nguyên đơn đang quản lý sử dụng.

Đối với thửa đất 369, diện tích 10.290,7m², loại đất Lua, các đương sự không thống nhất cách thức phân chia nên phát sinh tranh chấp, hiện phần đất này do ông Lý Hồng K quản lý sử dụng diện tích 4.160,8m², bà Mai Thị E đang quản lý 3.200m² và phần còn lại do nguyên đơn đang quản lý.

+ Về tài sản gắn liền trên đất: Căn nhà chính được xây dựng trên thửa đất số 368 có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái tole, không trần, nền gạch men, diện tích: 60m²; Căn nhà phụ cấp nhà chính có kết cấu: Khung cột bê tông, vách gạch, mái ngói, nền gạch tàu, không trần, diện tích: 53,04 m², 03 ngôi mộ và một số cây trồng trên đất, hiện căn nhà do bà Đ, bà Đ1 và cây trồng, 03 ngôi mộ của cha mẹ do nguyên đơn, bị đơn đang quản lý. Các đương sự thống nhất phần đất được chia cho ai trên đất có cây trồng và 03 ngôi mộ thì người đó được quyền sở hữu cây trồng và có trách nhiệm quản lý mộ, riêng căn nhà do bị đơn bà Đ1, bà Đ đang quản lý sử dụng thì bà tiếp tục giao cho bà Đ1, Đ quản lý sử dụng dùng làm di sản thờ cúng là phù hợp theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.3/ Về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

Các nguyên đơn là vợ con của ông Mai Văn V, ông V là con ruột của ông Mai Văn Q, bà La Thị S. Ông Q, bà S chết để lại di sản chưa được các bên phân chia nay các ông bà là người thừa kế của ông V có quyền nhận kỷ phần thừa kế của ông V được hưởng của cha mẹ. Nay các nguyên đơn yêu cầu chia di sản theo quy định pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận là đúng theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015

3.3/ Về yêu cầu của bị đơn bà Mai Thị Đ1, bà Mai Thị Đ thì thấy: Các bà đều thống nhất về mối quan hệ họ tịch với các đương sự cũng như di sản của cha mẹ để lại, quá trình giải quyết vụ án các bà chỉ đồng ý phân chia thửa đất 368 cho các đồng thừa kế, tiếp tục quản lý căn nhà trên đất để làm di sản thừa kế, riêng đối với thửa đất 369 các bà yêu cầu giao cho ông Lý Hồng K được quyền sử dụng phần đất 4.160,8m² phần diện tích còn lại mới chia đều cho các thừa kế với lý do trước đây cha mẹ có bán đất này cho ông K nay cha mẹ chết mà các bà phải có trách nhiệm trả nợ cho ông K, tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay các đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

3.4/ Về yêu cầu của bị đơn bà Mai Thị E thì thấy: Bà đều thống nhất với nguyên đơn, bị đơn về mối quan hệ họ tịch, về hàng thừa kế cũng như di sản của cha mẹ để lại chưa được phân chia. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn bà Đ1, bà Đ thì bà đồng ý phân chia thửa đất 368 nhưng đối với thửa đất 369 thì bà không đồng ý, bởi vì thời điểm cha mẹ còn sống có cho bà phần đất có diện tích 3.200m² thuộc thửa đất số 369 để bà sử dụng cho đến nay, nếu chia theo yêu cầu của nguyên đơn thì bà bị thiệt hại nên Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy di sản của ông Q, bà S để lại chưa được phân chia và ông bà cũng không để lại di chúc nên di sản được chia đều cho người cùng hàng thừa kế bằng nhau là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm

2015, việc bà E không đồng ý nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh thời điểm còn sống cha mẹ có cho riêng bà phần đất có diện tích 3.200m² thuộc thửa đất 369 nên bà phải gánh chịu hậu không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên bà yêu cầu được nhận phần đất diện tích 3.200m² không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy di sản của ông Q, bà S để lại cho các hàng thừa kế chưa được phân chia nên cần được chia thành 04 phần bằng cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Đối với thửa đất 368 qua đo đạc có diện tích 4.325,5m² các đương sự thống nhất chia đều ra 04 kỷ phần và trừ ra phần đất diện tích 268,7m² dùng làm đường đi nội bộ và các đương sự mỗi người được nhận kỷ phần có diện tích 1.014,2m² trong đó: loại đất ODT có diện tích 748m² và loại đất CLN có diện tích 266,2m² nên được ghi nhận. Đối với thửa đất 369 hiện do các đương sự đang quản lý và được chia thành 04 phần bằng nhau mỗi bên được sử dụng phần đất diện tích 2.572,7m² và cần chia theo hướng các phần đất có cạnh giáp kinh thủy lợi để thuận tiện trong canh tác trồng lúa nên cần buộc các bên giao trả đất cho nhau là phù hợp.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu đương sự Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng chi phí 20.000.000 đồng. Nguyên đơn, bị đơn mỗi người đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay các đương sự tự nguyện nộp số tiền này nên ghi nhận theo quy định các Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu nhận phần di sản trong khối di sản thừa kế theo pháp luật và được chấp nhận, các bị đơn có yêu cầu nhận di sản thừa kế và được chấp nhận một phần nên nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí tính trên giá trị tài sản mà các đương sự được nhận thừa kế, tuy nhiên, đối với các bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại các Điều 12, 14 và khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 157, 165, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Các Điều 611, 612, 616, 617, 623, 645, 649, 651, 660 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14; quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ **Công nhận di sản của ông Mai Văn Q và bà La Thị S bao gồm các tài sản sau:**

+ Về quyền sử dụng đất: Phần đất qua đo đạc có diện tích 10.290,7m² thuộc thửa đất số 369, loại đất LUC và phần đất qua đo đạc có diện tích 4.325,5m² thuộc thửa đất số 368, loại đất T do ông Mai Văn Q đứng tên chủ sử dụng được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 5467/GCNRĐ ngày 30/12/1990, đất tọa lạc ấp I, xã J, huyện T, tỉnh Cần Thơ (Nay thuộc khu vực A, phường K, quận N, Tp. Cần Thơ), hiện đất do nguyên đơn, bị đơn và ông Lý Hồng K đang quản lý sử dụng.

+ Về tài sản gắn liền trên đất: Căn nhà chính được xây dựng trên thửa đất số 368 có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái tole, không trần, nền gạch men, diện tích: 60m² và căn nhà phụ cặp nhà chính có kết cấu: Khung cột bê tông, vách gạch, mái ngói, nền gạch tàu, không trần, diện tích: 53,04 m² do bị đơn bà Mai Thị Đ, bà Mai Thị Đ1 đang quản lý sử dụng.

2/ Di sản của ông Mai Văn Q và bà La Thị S được phân chia cho các thừa kế theo pháp luật như sau:

2.1/ Về quyền sử dụng đất:

+ Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, ông Mai La Nguyễn B, bà Mai La Nguyễn M1, ông Mai La Nguyễn B1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.014,2m² (ký hiệu B) thuộc thửa đất số 368, loại đất ODT, CLN (*trong đó: loại đất ODT có diện tích 748m² và loại đất CLN có diện tích 266,2m²*), hiện do ông bà đang quản lý sử dụng và phần đất có diện tích 2.572,7m² (ký hiệu C) thuộc thửa đất số 369, loại đất LUC do bà Mai Thị E quản lý sử dụng.

+ Bị đơn bà Mai Thị Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.014,2m² (ký hiệu A) thuộc thửa đất số 368 loại đất ODT, CLN (*trong đó: loại đất ODT có diện tích 748m² và loại đất CLN có diện tích 266,2m²*), hiện do bà đang quản lý sử dụng và phần đất có diện tích 2.572,7m² (ký hiệu B) thuộc thửa đất số 369, loại đất LUC do ông Lý Hồng K đang quản lý sử dụng.

+ Bị đơn bà Mai Thị Đ1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.014,2m² (ký hiệu D) thuộc thửa đất số 368, loại đất ODT, CLN (*trong đó: loại đất ODT có diện tích 748m² và loại đất CLN có diện tích 266,2m²*), hiện do bà đang quản lý sử dụng và phần đất có diện tích 2.572,7m² (ký hiệu A) thuộc thửa đất số 369, loại đất LUC do ông Lý Hồng K đang quản lý sử dụng.

+ Bị đơn bà Mai Thị E được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.014,2m² (ký hiệu C) thuộc thửa đất số 368, loại đất ODT, CLN (*trong đó: loại đất ODT có diện tích 748m² và loại đất CLN có diện tích 266,2m²*), hiện do các nguyên đơn đang quản lý sử dụng và phần đất có diện tích 2.572,7m² (ký hiệu D) thuộc thửa đất số 369, loại đất LUC do bà đang quản lý sử dụng.

+ Công nhận phần đất có diện tích 268,7m² (ký hiệu E) thuộc thửa đất số 368, loại đất CLN là tài sản chung của các nguyên đơn, bị đơn dùng phần đất này làm đường đi nội bộ.

2.2/ Về tài sản gắn liền trên đất:

Công nhận tài sản gồm: căn nhà chính được xây dựng trên thửa đất số 368 có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái tole, không trần, nền gạch men, diện tích: 60m² và căn nhà phụ cặp nhà chính có kết cấu: Khung cột bê tông, vách gạch, mái ngói, nền gạch tàu, không trần, diện tích: 53,04 m² là di sản dùng vào việc thờ cúng. Giao cho bị đơn bà Mai Thị Đ1, bà Mai Thị Đ tiếp

tục quản lý căn nhà để thực hiện việc thờ cúng và các bà không được quyền bán, trao đổi, tặng cho, thế chấp, cầm cố hoặc định đoạt bằng hình thức khác đối với tài sản này.

Các nguyên đơn, bị đơn được quyền sở hữu các cây trồng trên phần đất có diện tích 1.014,2m² thuộc thửa đất số 368 mà ông bà được quyền sử dụng. Giao cho các nguyên đơn quản lý 03 ngôi mộ xây dựng trên phần đất nguyên đơn được quyền sử dụng.

3/ Về nghĩa vụ giao tài sản:

3.1/ Đối với thửa đất số 368:

Buộc các nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, ông Mai La Nguyễn B, bà Mai La Nguyễn M1, ông Mai La Nguyễn B1 phải có trách nhiệm giao cho bà Mai Thị E phần đất có diện tích 1.014,2m² (ký hiệu C) thuộc thửa đất số 368 do ông bà đang quản lý sử dụng.

3.2/ Đối với thửa đất số 369:

Buộc bị đơn bà Mai Thị E và các nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, ông Mai La Nguyễn B, bà Mai La Nguyễn M1, ông Mai La Nguyễn B1 phải có trách nhiệm giao trả cho nhau theo đúng vị trí phần đất mỗi bên được quyền sử dụng có diện tích 2.572,7m² (ký hiệu C, D) thuộc thửa đất số 369, loại đất LUC do bà E và các nguyên đơn cùng quản lý sử dụng .

Buộc bị đơn bà Mai Thị E và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý Hồng K có trách nhiệm giao trả cho bị đơn bà Mai Thị Đ, bà Mai Thị Đ1 phần đất có tổng diện tích 5.145,4m² (ký hiệu A, B) thuộc thửa đất số 369, loại đất LUC, trong đó: phần đất ông Lý Hồng K đang quản lý diện tích 4.160,8m², phần đất bà Mai Thị E đang quản lý diện tích 984,6m².

Vị trí, kích thước các cạnh phần đất của đương sự được quyền sử dụng nêu trên được xác định theo Bản trích đo địa chính số 80/TTKTTNMT, lập ngày 26/8/2019 và Bản trích đo địa chính số 120/TTKTTNMT, lập ngày 15/11/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Tp. Cần Thơ thực (*Đính kèm*).

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với đất phần đất các đương sự được quyền sử dụng theo quy định pháp luật.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần đất nêu trên theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Chi phí do đặc, xem xét thẩm định và định giá tài sản tổng số tiền 20.000.000 đồng. Các nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải có trách nhiệm nộp số tiền 5.000.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền mỗi bên đã nộp tạm ứng tại Tòa án 5.000.000 đồng, công nhận các nguyên đơn, bị đơn đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, ông Mai La Nguyễn B, bà Mai La Nguyễn M1, ông Mai La Nguyễn B1 phải nộp số tiền 39.389.000 đồng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Tp. Cần Thơ.

Bị đơn bà Mai Thị Đ, bà Mai Thị Đ1, bà Mai Thị E được miễn toàn bộ án phí do các bà thuộc trường hợp người cao tuổi.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhân:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Bá Lộc

